

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ThS. LÊ THỊ THU HẰNG*

Như chúng ta đã biết, hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) là một mắt xích quan trọng cấu thành nên sự vận động nhịp nhàng của nền kinh tế. Nó có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế bền vững. Trong các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại, tín dụng là hoạt động quan trọng nhất. Theo đó, ngân hàng giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi. Hoạt động tín dụng mang lại cho ngân hàng thương mại lợi nhuận lớn, đồng thời cũng là nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất. Nghiệp vụ này thường xuyên diễn ra với cường độ và giá trị ngày càng lớn, nên khả năng xảy ra gian lận, sai sót là tương đối cao. Bởi vậy, đối với Kiểm toán nhà nước, nghiệp vụ tín dụng là một nội dung trọng tâm của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại. Năm bắt được thực trạng việc kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM của KTNN, các kết quả đã đạt được cũng như những mặt còn hạn chế, phân tích các nguyên nhân, từ đó đưa ra một số các giải pháp khắc phục những mặt còn hạn chế nhằm nâng cao chất lượng trong quá trình thực hiện kiểm toán đối với nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM của KTNN.

Từ khóa: Nghiệp vụ tín dụng, ngân hàng thương mại.

Auditing credit operations in commercial banks

As we know, the commercial banking system is an important link that constitutes the smooth movement of the economy. It plays a huge role in promoting sustainable economic growth. In the operations of commercial banks, credit is the most important activity. Accordingly, the bank assigns customers a sum of money to use for a certain purpose and time as agreed with the principle of having repayment of principal and interest. Credit activities bring a great profit to commercial banks, and also the most risky business. This operation often takes place with increasing intensity and value, so the possibility of fraud and errors is relatively high. Therefore, SAV consider credit is a key content of the auditing of financial statements at commercial banks. Capturing the current status of credit audit at commercial banks of the SAV, the results achieved as well as the limitations, analyze the causes, thereby giving some solutions to overcome these face is still limited to improve quality in the process of implementing auditing for credit operations at commercial banks of SAV.

Key words: Credit operations, commercial banks.

Thực trạng kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM của KTNN

Kiểm toán nghiệp vụ tín dụng là một phần hành trong kiểm toán BCTC của NHTM. Kiểm toán nghiệp vụ tín dụng nhằm đánh giá tính đúng đắn

trong việc xác định giá trị khoản vay, tình trạng rủi ro của toàn bộ nghiệp vụ tín dụng, đánh giá tính tuân thủ trong thực hiện cấp tín dụng để đảm bảo rằng những rủi ro của nghiệp vụ này đã được kiểm soát, tránh rủi ro xảy ra đối với ngân hàng, và đảm

* KTNN Chuyên ngành VII



bảo ngân hàng đã trích lập đầy đủ khoản dự phòng rủi ro. Bởi vậy, đối tượng kiểm toán nghiệp vụ tín dụng là tổng thể nghiệp vụ cho vay, bao gồm các nghiệp vụ trong và ngoài bảng cân đối, toàn bộ quy trình cho vay đối với khách hàng.

Số dư tài khoản cho vay là khoản mục tài sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, là tài sản sinh lời chủ yếu của ngân hàng. Do vậy, một sai sót nhỏ về giá trị khoản mục này trên bảng cân đối tài sản cũng có thể có ảnh hưởng lớn đến giá trị của báo cáo thu nhập, chi phí. Chẳng hạn một khoản tín dụng ngắn hạn lại được chuyển thành tín dụng dài hạn sẽ làm tăng khoản thu nhập lãi vay mà trong thực tế khoản lãi không cao như vậy. Giá trị của khoản tín dụng khi ghi sổ ban đầu không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro, nhưng khi định giá lại khoản vay thì bao gồm cả các khoản dự phòng rủi ro, mà việc xác định dự phòng rủi ro căn cứ vào giá trị của tài sản đảm bảo. Các NHTM thường áp dụng phương pháp định giá theo giá thị trường hoặc tương đương theo thời gian. Điều đó có nghĩa là việc định giá tài sản không hoàn toàn theo một chuẩn mực khách quan nào, và đây cũng là khó khăn của các KTV khi đánh giá giá trị của khoản mục này. Việc định giá trị của các khoản vay cũng ảnh hưởng đến chi phí trích lập dự phòng rủi ro của ngân hàng đối với các khoản cho vay, do vậy

nếu giá trị khoản cho vay được định giá với giá trị thấp thì chi phí dự phòng rủi ro có thể tăng cao.

Đối tượng cho vay của NHTM có thể là một pháp nhân, một thể nhân, hoặc công ty đối nhân. Công ty đối nhân là những công ty được thành lập dựa trên sự liên kết chặt chẽ bởi chế độ tin cậy về nhân thân của các thành viên tham gia, hùn vốn chỉ là yếu tố thứ yếu trong đó. Các khách hàng này độc lập một cách tương đối với nhau nhưng giữa họ có những mối quan hệ hoặc phụ thuộc vào nhau, ví dụ: Công ty A là cổ đông của công ty B, công ty mẹ và công ty con... hoặc mối quan hệ đó có tác động đến nhau trong kinh doanh, ví dụ hai khách hàng thực hiện một quan hệ mua đi, bán lại với nhau. Hệ quả của những mối quan hệ này là khi một khách hàng gặp khó khăn sẽ có thể kéo theo khách hàng khác cũng gặp khó khăn. Do đó, khi kiểm toán nghiệp vụ tín dụng, KTV cần chú ý đến mối quan hệ của khách hàng vay nằm trong dạng nào khi đánh giá khả năng đảm bảo an toàn của một khoản tín dụng mà ngân hàng đã cấp.

KTV cũng cần phải có nhìn nhận hợp lý về việc đánh giá các khách hàng lớn của một NHTM. Ví dụ, có thể coi khách hàng lớn là khách hàng có tổng dư nợ đạt mức tối đa bằng 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng hoặc ở mức giới hạn nào đó do NHTM đặt ra.

Mặt khác, các NHTM chỉ cấp các khoản tín dụng sau khi có sự kiểm tra, đánh giá khả năng tài chính của khách hàng một cách kỹ lưỡng, toàn diện và phải giám sát thường xuyên khả năng tài chính của khách hàng trong suốt quá trình cho vay, thông qua các báo cáo tình hình kinh doanh, tài chính của khách hàng. Bởi vậy, xem xét BCTC của khách hàng vay cũng là công việc của KTV khi đánh giá hoạt động tín dụng. Muốn có sự đánh giá hợp lý, KTV phải hiểu biết không chỉ về đơn vị được kiểm toán, mà còn cần hiểu biết về khách hàng của ngân hàng đó.

Về quy trình kiểm toán nghiệp vụ tín dụng cũng mang những đặc điểm chung như quy trình kiểm toán tài chính thông thường của KTNN gồm 4 giai đoạn: Chuẩn bị kiểm toán; thực hiện kiểm toán; lập và phát hành BCKT; theo dõi kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm toán.

Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán

Bao gồm các bước: Khảo sát, thu thập thông tin; đánh giá hệ thống KSNB và thông tin thu thập; xác định đánh giá rủi ro kiểm toán, xác định trọng yếu kiểm toán; lập và phê duyệt kế hoạch kiểm toán tổng quát; lập và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết.

Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin đơn vị được kiểm toán, KTV phải nắm vững các nội dung sau: Hiểu biết về nghiệp vụ tín dụng của NHTM; hiểu biết về môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán; các thủ tục, hoạt động kiểm soát.

- Hiểu biết về nghiệp vụ tín dụng của NHTM: KTV phải nắm được quy trình nghiệp vụ tín dụng của đơn vị được kiểm toán để có thể phân tích những rủi ro có thể xảy ra trong quy trình, từ đó phục vụ cho việc xác định rủi ro kiểm toán.

- Môi trường kiểm soát: Môi trường kiểm soát có ảnh hưởng đến sự nhất quán giữa các chính sách của nhà quản lý và tính hiệu quả của hệ thống kế toán và các thủ tục hoạt động kiểm soát, do đó khi tìm hiểu về môi trường kiểm soát KTV cần thu thập thông tin như cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, nhân sự, công tác kế hoạch, các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới việc thiết kế và thực hiện hệ thống KSNB.

- Hệ thống thông tin kế toán: Kế toán không chỉ cung cấp thông tin cần thiết cho quản lý mà còn thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhiều mặt hoạt động của đơn vị. Vì vậy, hệ thống kế toán mạnh góp phần làm cho hệ thống KSNB của đơn vị hoạt động hiệu quả.

- Các thủ tục, hoạt động kiểm soát: KTV cần kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc kiểm soát cơ bản được đề ra trong đơn vị như phân cấp phê duyệt, phân công phân nhiệm, bất kiêm nhiệm và hoạt động của bộ phận KSNB trong đơn vị.

Sau khi khảo sát, thu thập thông tin đơn vị được kiểm toán, KTV tiến hành đánh giá KSNB và thông tin thu thập. KTV cần phải xem xét hệ thống KSNB trên các mặt sau đây: Thiết kế hoạt động kiểm soát có ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa các sai phạm trọng yếu hay không; hoạt động kiểm soát có được triển khai theo đúng yêu cầu thiết kế trong thực tế hay không; những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ. Nếu KTV có đầy đủ bằng chứng và cơ sở để kết luận hệ thống KSNB có hiệu quả tức là hệ thống này có khả năng ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các gian lận, sai sót trọng yếu trong đơn vị.

Dựa trên kết quả phân tích, đánh giá thông tin về đơn vị được kiểm toán, kết quả đánh giá rủi ro, KTV xác định đánh giá rủi ro kiểm toán, xác định trọng yếu kiểm toán làm cơ sở xây dựng kế hoạch cuộc kiểm toán.

Trên cơ sở khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin về hệ thống KTNB, KSNB, thông tin về tài chính và các thông tin khác về đơn vị được kiểm toán, Trưởng Đoàn/Tổ trưởng khảo sát lập kế hoạch kiểm toán tổng quát và trình lãnh đạo KTNN xét duyệt. KHKT của cuộc kiểm toán thường có các nội dung cơ bản sau: Mục tiêu kiểm toán; nội dung kiểm toán; xác định tiêu chí kiểm toán; phạm vi, giới hạn kiểm toán; phương pháp, thủ tục kiểm toán; thời hạn kiểm toán; bố trí nhân sự kiểm toán; kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết cho cuộc kiểm toán.

Căn cứ trên KHKT tổng quát của cuộc kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán xây dựng KHKT chi tiết theo mẫu KHKT chi tiết. KHKT chi tiết gồm các nội dung chủ yếu sau: Mục tiêu; nội dung;

phạm vi, giới hạn kiểm toán; đối tượng kiểm toán; đánh giá mức độ rủi ro kiểm toán; xác định trọng yếu kiểm toán; xác định mẫu chọn kiểm toán cụ thể cho từng cơ sở dẫn liệu; phân công nhiệm vụ kiểm toán và tiến độ thời gian thực hiện công việc; phương pháp, thủ tục kiểm toán phải thực hiện.

Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Từ KHKT đã được lập và phê duyệt, KTV tiến hành sử dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán, phục vụ cho việc lập BBKT và tổ chức thông qua biên bản kiểm toán tại đơn vị kiểm toán chi tiết.

Giai đoạn lập và phát hành BCKT

Đây là giai đoạn KTV thực hiện công việc tổng hợp những vấn đề được phát hiện trong quá trình thực hiện kiểm toán để đưa ra những đánh giá, kết luận và kiến nghị phù hợp.

Giai đoạn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại BCKT đã thực hiện tại đơn vị được kiểm toán có được thực thi theo yêu cầu hay không.

Kết quả đạt được

Các cuộc kiểm toán của KTNN tại các NHTM đã chỉ ra nhiều sai phạm trong thực hiện quy trình, quy chế cho vay, từ các sai sót trong việc thiết lập, thu thập hồ sơ khách hàng vay vốn; về thẩm định và phê duyệt cho vay; về thiết lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp TSDB nợ vay; cho đến các sai sót trong việc giải ngân cho vay; kiểm tra sau cho vay và trong quản lý TSDB; hay các sai sót trong việc phân loại nợ trích lập dự phòng, miễn giảm lãi, cơ cấu nợ vay, bán nợ; hay sai sót trong việc hạch toán lãi... Thông qua kết quả kiểm toán, KTNN đã điều chỉnh nhiều số liệu tài chính liên quan đến hoạt động cho vay tại các đơn vị được kiểm toán, phản ánh đúng chất lượng tín dụng, cũng như thực chất tình hình kinh doanh tại đơn vị; chuyển nhiều hồ sơ vi phạm tín dụng gây hậu quả nghiêm trọng sang các cơ quan có thẩm quyền điều tra để làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan; đưa ra hàng trăm kiến nghị về bổ sung, sửa đổi các

văn bản pháp lý đối với các cơ quan quản lý nhà nước và kiến nghị chấn chỉnh trong hoạt động cho vay nhằm kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động cho vay, hạn chế tình trạng nợ xấu của các TCTD.

Hạn chế

Công tác kiểm toán của KTNN ngày càng bài bản hơn, hoạt động kiểm toán được tổ chức chuyên nghiệp hơn, chất lượng kiểm toán viên tham gia kiểm toán ngày càng được nâng cao, chất lượng cuộc kiểm toán cũng được đảm bảo hơn, tạo được niềm tin với Đảng, nhà nước và nhân dân. Bên cạnh kết quả đã đạt được, công tác kiểm toán đối với lĩnh vực đặc thù như ngân hàng, tín dụng trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng kiểm toán, cụ thể:

Thứ nhất, chưa tổ chức thực hiện kiểm toán chuyên đề riêng đối với hoạt động tín dụng: Việc kiểm toán hoạt động tín dụng được thực hiện lồng ghép trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại các NHTM, nên mức độ tập trung, thời gian kiểm toán đối với hoạt động tín dụng còn chưa cao do tỷ lệ mẫu chọn hồ sơ tín dụng còn thấp.

Thứ hai, hạn chế trong tổ chức nguồn nhân lực: Việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, còn chưa tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và dự thi các chứng chỉ. Số lượng KTV còn hạn chế, số lượng nhân sự không đủ đáp ứng khối lượng công việc dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực, nên đôi khi công việc kiểm toán được tiến hành bởi những KTV không có đủ kinh nghiệm về lĩnh vực ngân hàng, tín dụng.

Thứ ba, hạn chế trong tổ chức quy trình kiểm toán:

Hạn chế trong tổ chức giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:

- Về đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán: Các thông tin về môi trường kiểm soát nội bộ chủ yếu được tập hợp dựa trên các văn bản yêu cầu đơn vị cung cấp. Rất ít KTV sử dụng phỏng vấn như một phương pháp hữu hiệu trong khi tìm hiểu nhân sự và chính sách nhân sự

của đơn vị được kiểm toán, đặc biệt là tìm hiểu về các mối quan hệ (gia đình, họ hàng, bạn bè v.v.) giữa các nhà quản lý, kế toán của đơn vị cấp trên và cấp dưới phụ thuộc; chưa thực hiện đánh giá tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Về xác định đánh giá rủi ro và trọng yếu kiểm toán: Còn thực hiện theo lối mòn và kinh nghiệm, chưa áp dụng theo đúng CMKTNN quy định. Chưa xác định được mức trọng yếu tổng thể BCTC, mức trọng yếu thực hiện, cũng như chưa xác định được ngưỡng sai sót không đáng kể, do đó KTVNN hầu như điều chỉnh tất cả các sai sót được phát hiện bất kể việc các sai sót đó có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC hoặc thông tin tài chính được kiểm toán hay không.

- Về việc tiến hành chọn mẫu: Mẫu được chọn phần lớn dựa vào nhận định nghề nghiệp và kinh nghiệm của kiểm toán viên, thường đều là các khoản cho vay có giá trị lớn và hai hay ba khoản như vậy đã chiếm một tỷ trọng khá cao trong tổng thể. Như vậy, việc chọn mẫu đã bỏ qua những khoản khác có giá trị trung bình chiếm phần lớn trong tổng thể không được kiểm tra. Điều này có thể gây ra bỏ sót những sai phạm tiềm ẩn trong các khoản bị bỏ qua này.

Hạn chế trong tổ chức giai đoạn thực hiện kiểm toán:

- Về các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán: Bằng chứng kiểm toán được thu thập bằng cách thực hiện các thủ tục kiểm toán bao gồm thử nghiệm kiểm soát theo yêu cầu của các CMKTNN (hoặc theo lựa chọn của KTVN), thử nghiệm cơ bản (bao gồm các kiểm tra chi tiết và các thủ tục phân tích cơ bản). Tuy nhiên, việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát, cũng như các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán của KTVNN còn hạn chế.

- Về thủ tục phân tích với quy trình cho vay: Hiện nay, KTVNN chủ yếu tiến hành phân tích ngang, so sánh giữa năm hiện tại với năm trước, việc phân tích dọc chỉ được thực hiện về khả năng sinh lời của thu nhập lãi từ cho vay; chưa sử dụng các thủ tục phân tích để so sánh các kết quả từ hoạt động cho vay với các ngân hàng có cùng quy mô, các ngân hàng thuộc cùng loại hình, cũng như so

sánh với các định hướng chung của ngành để có được cái nhìn toàn diện hơn về toàn bộ kết quả hoạt động của quy trình. Các so sánh này không chỉ gồm các chỉ tiêu tài chính (như tỷ lệ lãi thu từ cho vay trên tổng thu nhập của ngân hàng, lỗ do phải xoá sổ các khoản nợ không thu hồi được) mà còn gồm các chỉ tiêu phi tài chính (như cơ cấu khách hàng, phương pháp áp dụng để thu hút và duy trì các khách hàng vay của mỗi ngân hàng...). Việc so sánh với các ngân hàng khác trong quá trình thực hiện kiểm toán quy trình cho vay trong kiểm toán Báo cáo tài chính trong các ngân hàng thương mại có thể giúp kiểm toán viên đánh giá được vị thế trên thị trường của ngân hàng này là ở mức độ nào? Có hợp lý hay không?

Đối với khách hàng vay vốn tại các NHTM, do loại hình kinh doanh diễn ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương, thời gian cho vay có thể kéo dài qua nhiều năm tài chính, số lượng và giá trị giải ngân lớn nên khi tiến hành kiểm toán, có nhiều thủ tục kiểm toán bị KTV bỏ qua như kiểm tra thực tế tại khách hàng vay vốn, gửi thư xác nhận số dư tài khoản.

Sở dĩ có các hạn chế nêu trên khi kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM là do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, về nguồn lực: Do tính chất đặc thù và phức tạp trong nghiệp vụ cho vay tại các NHTM, công tác kiểm toán nghiệp vụ cho vay cần phải được thực hiện bởi các KTV có kinh nghiệm tài chính kế toán và các KTV am hiểu về lĩnh vực ngân hàng, tín dụng. Tuy nhiên, hiện nay chỉ hơn 50% nhân sự tại KTVN Chuyên ngành VII có các KTV được đào tạo chuyên ngành về lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Thứ hai, thời gian khảo sát ngắn: Trong một năm, thời gian kiểm toán được chia thành 3 đợt, mỗi đợt kéo dài khoảng 60 ngày. Thường thời gian khảo sát của đợt 2 và đợt 3 KTV vừa thực hiện khảo sát, vừa lập báo cáo kiểm toán của đợt trước, nên không dành thời gian hợp lý để thu thập thông tin nhằm đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán;

Thứ ba, chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí

đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ: CMKTNN cũng như quy trình kiểm toán tổ chức tài chính, ngân hàng của KTNN hiện nay chưa có bất kỳ hướng dẫn nào về hệ thống tiêu chí này nên các ý kiến của KTV về tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ còn mang tính chủ quan, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân và theo lối mòn. Chưa có hệ thống tiêu chí đánh giá nên KTV không có căn cứ để xác định giới hạn và nội dung các thông tin cần thu thập mà thường dựa vào giới hạn và phạm vi của cả cuộc kiểm toán;

Thứ tư, phương pháp thu thập thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ chưa đa dạng và mang tính đơn lẻ: Thông tin về thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ chủ yếu được khai thác qua tài liệu do KTNN yêu cầu. KTV dựa vào các tài liệu này để phân tích, tổng hợp để rút ra các nhận xét về hoạt động của cơ cấu kiểm soát nội bộ. Do vậy, các nhận xét phần nhiều mang tính chủ quan và thiên về kinh nghiệm. Phương pháp trực tiếp (phỏng vấn) rất ít KTV sử dụng, phương pháp khảo sát tác nghiệp hầu như không sử dụng;

Thứ năm, chưa xây dựng và ban hành chính sách xác định trọng yếu kiểm toán để KTVNN xác định, vận dụng trọng yếu kiểm toán một cách thống nhất.

Thứ sáu, đơn vị được kiểm toán chưa cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin theo yêu cầu trong quá trình khảo sát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và sự nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của kế hoạch kiểm toán của đơn vị được kiểm toán đã ảnh hưởng đáng kể đến quá trình khảo sát, thu thập thông tin để nghiên cứu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại NHTM cần hướng tới nâng cao chất lượng kiểm toán

Thứ nhất, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ để dựa trên các tiêu chí đã xây dựng, KTVNN có thể soạn thảo các câu hỏi và lượng hóa các câu trả lời bằng những số điểm nhất định. Căn cứ vào điểm số thu được để đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ,

từ đó xác định rủi ro kiểm soát là cao hay thấp để có các bước tiếp theo cho phù hợp.

Thứ hai, xây dựng và ban hành chính sách xác định trọng yếu kiểm toán để KTVNN xác định, vận dụng trọng yếu kiểm toán một cách bài bản, thống nhất.

Thứ ba, xây dựng chương trình kiểm toán chuyên đề riêng đối với hoạt động tín dụng tại các NHTM.

Thứ tư, nâng cao kỹ năng để thực hiện các công việc của một cuộc kiểm toán đối với KTV: Lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kế hoạch, lập báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán, kiểm tra thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm toán; và khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên môn phù hợp với sự đa dạng, phức tạp của nhiệm vụ được giao trong việc kiểm toán nghiệp vụ tín dụng và các nghiệp vụ liên quan của NHTM phù hợp với yêu cầu, mục tiêu kiểm toán của nhiệm vụ kiểm toán được giao.

Kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM của KTNN góp phần không nhỏ trong phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về lĩnh vực tín dụng. Tuy nhiên, trước tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đang diễn ra khá phổ biến thì kết quả kiểm toán nghiệp vụ cho vay của KTNN đòi hỏi chất lượng hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán nghiệp vụ tín dụng nói riêng cần phải được nâng cao hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước, NXB Thống kê;
2. Các văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm toán, Kiểm toán nhà nước, NXB Thống kê;
3. “Đánh giá, nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng cấp tỉnh”, Website: www.khoahockiemtoan.vn;
4. Các báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.